

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang” kèm theo Văn bản số 801/CV-NL ngày 18/9/2025 của Công ty Cổ phần đầu tư Newland về đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang” và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân

khu số 2, thành phố Bắc Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần đầu tư Newland (sau đây gọi là Chủ Dự án) được thực hiện tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 12/9/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng; UBND phường Tân Tiến; Công ty cổ phần đầu tư Newland và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NNMT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI KẾT HỢP KINH DOANH
VĂN PHÒNG, HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI THỬA ĐẤT KÝ HIỆU
TMDV-03, KHU SỐ 1, KHU ĐÔ THỊ SỐ 11,12 THUỘC PHÂN KHU SỐ 2,
THÀNH PHỐ BẮC GIANG”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện dự án: thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư Newland.

1.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô diện tích: 76.985 m².

- Quy mô đầu tư: Xây dựng đồng bộ các công trình của dự án Trung tâm thương mại kết hợp kinh doanh văn phòng, hoạt động du lịch theo quy hoạch chi tiết được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 và Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 13/01/2023, trong đó:

+ Tầng cao xây dựng từ 04 đến 08 tầng.

+ Mật độ xây dựng tối đa 60% (mật độ xây dựng tối đa của lô đất tùy thuộc chiều cao của công trình và tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng).

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 3,6 lần.

+ Chỉ giới xây dựng công trình chính lùi $\geq 10\text{m}$ phía đường Trường Chinh và đường Nguyễn Văn Linh, các tuyến đường còn lại lùi $\geq 6,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

+ Tầng hầm: 01 tầng (mục đích để xe và phục vụ kỹ thuật); mật độ tối đa 90%, lùi 6m.

1.3. Công nghệ sản xuất: Dự án không thuộc loại hình sản xuất.

1.4. Phạm vi: dự án được thực hiện tại thửa đất ký hiệu TMDV-03, khu số 1, khu đô thị số 11,12 thuộc phân khu số 2, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh

1.4.1. Các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính: Phần nổi (04 tầng + 01 tum) 22.629m²; phần ngầm (01 tầng) 25.009 m².

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ: Bãi để xe có mái che 5.477 m²; trạm ga, trạm dầu, kỹ thuật 109 m²; đường dốc xuống hầm có mái che 1.043m²; công soát vé có mái che 829 m²; mái che Canopy 1.684 m²

- Cây xanh: 3.849 m²
- Bãi đỗ xe ngoài trời và sân đường nội bộ 41.365m²

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

- Hoạt động thi công, xây dựng.
- Hoạt động vận hành dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là mương tiêu nằm tại phía Đông dự án, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mục đích sử dụng. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước liên thông gần nhất đã được xác định mục đích sử dụng. Vậy, trường hợp sông Thương là nguồn nước liên thông gần nhất với mương tiêu là nguồn tiếp nhận nước thải của dự án (sông Thương đoạn tiếp nhận nước thải của dự án có mục đích sử dụng là nguồn cung cấp nước cho mục đích sinh hoạt theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng – Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng về dự án và tập kết nguyên vật liệu; thi công đào đắp san nền; thi công xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động sinh hoạt của công nhân có khả năng tác động xấu đến môi trường như: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường và các đối tượng xung quanh khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách hàng tại dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu vực dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.
- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh $3,75\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh,...

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động sau: Nước rửa xe lưu lượng $1,2\text{m}^3/\text{ngày}$; nước rửa thiết bị, máy móc $01\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, văng dầu mỡ, bụi đất.

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng: Kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, và của khách hàng đến dự án phát sinh $1.200\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, phosphat (tính theo P), Coliform.

- Nước mưa chảy trên bề mặt dự án cuốn theo các chất bẩn, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường thoát nước của dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đổ thải, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình của dự án,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động giao thông của các phương tiện ra vào dự án, hoạt động đun nấu, chế biến ẩm thực của dự án, hoạt động của hệ thống điều hòa, máy phát điện, hệ thống xử lý nước thải và quá trình đốt nhiên liệu gas (LPG).

3.2. Chất thải rắn, CTNH:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng, với khối lượng $75\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Gạch đá vụn, cặn vữa, bê tông thừa,... với khối lượng khoảng $270\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ hoạt động hằng ngày của dự án, bao gồm các loại rác vô cơ (bao bì, giấy, túi nilon,...) và các chất hữu cơ dễ phân hủy, khoảng 3.936 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của CTNH:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Ấc quy, pin thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải...phát sinh khoảng 30 kg/tháng.

- Giai đoạn vận hành của dự án: CTNH dự kiến phát sinh khoảng 495 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy thải.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải phải kiểm soát:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như Amiang) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải...phát sinh khoảng 110 kg/tháng.

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải phải kiểm soát dự kiến phát sinh khoảng 1.650 kg/năm, gồm: Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giẻ lau, vải bảo vệ thải bị ô nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; than hoạt tính thải.

3.3. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi ...),...

- Giai đoạn vận hành: Khi dự án đi vào hoạt động, nguồn tiếng ồn và độ rung chủ yếu là do các phương tiện giao thông, các máy móc của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng phát ra tiếng ồn trong khu vực dự án gây ra.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tác động đến giao thông khu vực; tác động đến kinh tế - xã hội, sự cố tai nạn lao động; cháy nổ, chập điện; sự cố ngập úng, bồi lắng, trượt, sụt lở, xói mòn; sự cố do thiên tai, thời tiết bất thường.

- Giai đoạn vận hành: Tác động do nhiệt dư; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến kinh tế xã hội trong khu vực; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp nước thoát và sự cố ngập úng cục bộ; sự cố về hệ thống lưu chứa và dẫn gas; sự cố thang máy; sự cố xảy ra trong hoạt động tầng hầm; sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải; sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động được thiết kế bằng vật liệu thép cường độ cao kết hợp với nhựa uPVC và composite, diện tích 5m²/nhà, dung tích bể chứa nước thải là 2,5m³/bể; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Bố trí hệ thống rãnh thu gom nước thải thi công vào hố lắng 03 ngăn, với dung tích 3m³ để lắng cặn, hố lắng có vách ngăn làm bằng các lớp vải địa kỹ thuật để giữ lại váng dầu. Các vách ngăn dầu được định kỳ thay thế, váng dầu được thu vào các thùng chứa riêng và quản lý theo quy định về quản lý CTNH. Phần nước trong được sử dụng lại để rửa phương tiện vận chuyển. Dự án sử dụng 3 thùng phuy loại 200 lít/thùng để rửa dụng cụ thiết bị xây dựng, nước thải từ các thùng phuy được tận dụng tưới ẩm công trình, hoặc phối trộn nguyên vật liệu, không thải ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn:

Tiến hành đào rãnh đất tạm thời xung quanh công trường. Mương có kích thước rộng × sâu = 0,3×0,3m. Dọc theo rãnh nước mưa bố trí các hố ga lắng cặn kích thước 1m x 1m. Dưới tác dụng của trọng lực, các cặn lơ lửng, đất, đá... được lắng xuống, nước mưa sau đó được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Ngoài ra, để hạn chế các tác nhân ô nhiễm đến nước mưa chảy tràn cần áp dụng các biện pháp sau:

++ Quá trình thi công đến đâu gọn đến đấy, không dàn trải trên toàn bộ diện tích nhằm hạn chế lượng mưa kéo theo chất bẩn, nhất là vào mùa mưa lũ.

++ Không tiến hành sửa chữa, thay dầu mỡ trên khu vực công trường nhằm hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi của các loại dầu mỡ ra môi trường.

++ Tập kết nguyên vật liệu đúng nơi quy định;

++ Định kỳ nạo vét cống rãnh, hố ga của hệ thống thoát nước mưa 01 lần/tuần vào mùa mưa, 01 tháng/lần vào mùa khô. Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa sẽ được tận dụng trồng cây xanh;

++ Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải

++ Những vị trí phải đào, đắp đất, đặc biệt là những vị trí thi công công thoát nước sẽ dễ tiếp xúc với dòng nước, cần phải đảm bảo đúng yêu cầu về kỹ thuật đề ra để đảm bảo khi có mưa, hoặc nước lớn chảy qua lớp đất đắp sẽ không bị cuốn trôi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn: hệ thống mạng lưới thu gom nước mưa mặt cho dự án sử dụng rãnh có song chắn rác và rãnh có nắp đậy kết hợp với cống tròn BTCT; Ga thoát nước: các hố ga được bố trí tại các điểm đầu nối, điểm chuyển hướng, vị trí thay đổi tiết diện cống và dọc theo các tuyến thu gom, khoảng cách giữa các ga khoảng 30m.

+ Nước thải từ các khu vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D60, D110 và D150 về hố bơm sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom thải bằng đường ống PVC D60, D110 và D150 về bể tách dầu mỡ, qua hố bơm sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải từ các nguồn khác (hệ thống điều hòa thông gió, hệ thống lọc nước uống) được thu gom riêng bằng đường ống PVC D60, D110 và D150, qua các hố bơm sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm để xử lý

+ Nước thải: Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học kết hợp lắng, lọc và khử trùng.

+ Quy trình xử lý nước thải: Nước thải → Bể tách vẩn, dầu → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể trung gian 1 → Bể lắng → Bể trung gian 2 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể xả thải → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

+ Điểm xả thải: Mương tiêu phía Đông dự án (theo văn bản số 173/UBND-KTHTĐT của UBND phường Tân Tiến ngày 13/02/2025 về thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án, tọa độ đầu nối nước thải: X = 2352576, Y = 419507 (*Tọa độ các điểm mốc giới hạn khu vực thực hiện dự án theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰*).

+ Tiêu chuẩn xả thải: QCVN 14:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm. Không vận chuyển vào các giờ cao để giảm thiểu mật độ giao thông.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu (như: đất, cát, xi măng, đá...) và phế thải phải được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Cam kết không chở quá khổ, quá tải.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

+ Sử dụng hàng rào tôn cao 2m che chắn khu vực thi công dự án với những điểm đông dân cư để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh dự án.

+ Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi (tần suất 4 lần/ngày), tập trung nhiều vào thời điểm hanh khô.

+ Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

+ Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường...

+ Đối với bụi từ quá trình sơn tường: Sử dụng sơn nội thất và ngoại thất không chứa chì và thủy ngân. Sau khi sơn nên mở cửa 5 -7 ngày cho tường nhà thoáng và bay hết sơn. Sử dụng lưới che chắn khu vực thi công để hạn chế lượng bụi phát tán vào không khí. Trang bị bảo hộ lao động (kính, găng tay, khẩu trang ...) cho công nhân trực tiếp sơn tường.

+ Đối với quá trình hàn: áp dụng biện pháp thi công tiên tiến, sử dụng các loại máy hàn cắt kim loại mới; kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo các thiết bị này luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật; hạn chế thi công hàn, đốt nóng trong các khu vực có độ thoáng khí thấp. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường như khẩu trang, găng tay, kính hàn.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm tạo cảnh quan cho khu vực, hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa không khí.

+ Thường xuyên quét dọn đường nhằm giảm thiểu mức thấp nhất bụi từ đường giao thông có khả năng cuốn lên theo bánh xe.

+ Khu vực nhà bếp được thiết kế thông thoáng, đơn vị đầu tư thứ cấp lắp đặt các chụp hút có các bộ lọc dầu mỡ và khử mùi chuyên dụng, đảm bảo thu được hầu hết dầu mỡ có trong khí thải. Toàn bộ hệ thống đường ống hút khử mùi tại các khu vực bếp được đấu nối với hệ thống đường ống thông gió chung của Trung tâm thương mại được thiết kế từ tầng một đến tầng mái, ống được đặt trong hộp kỹ thuật.

+ Hệ thống điều hoà nhiệt độ được lắp đặt tại vị trí hợp lý đảm bảo không phát tán nhiệt dư, khí thải gây ô nhiễm nhiệt cục bộ.

+ Hệ thống hút gió bãi xe, bao gồm một số quạt xả khí thải nằm rải rác và nhiều quạt phun hỗ trợ sẽ được cung cấp cho các tầng đỗ xe. Quạt phun có chức

năng truyền và đẩy không khí ô nhiễm trong nhà tới các quạt thải khí để đẩy ra ngoài. Khí tươi được lấy từ ngoài công trình thông qua phòng quạt cấp và đường dọc tầng hầm. Một phần không khí ô nhiễm trong không gian tầng hầm sẽ được hút ra khỏi tầng hầm và thải ra ngoài công trình bằng quạt hút.

+ Các thùng chứa chất thải của các khu vực phải có nắp đậy, không để chất thải tồn đọng quá lâu để tránh bốc mùi.

+ Đối với khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính) công suất 10.000 m³/giờ:

++ Thu gom khí thải (mùi): Các bể xử lý nước thải được thiết kế kín, được thông với nhau bằng lỗ thông hơi. Đường ống thu gom khí thải (mùi) PVC D110 dài khoảng 01m đặt tại bể điều thiếu khí, khí thải (mùi) được thu gom vào tháp hấp phụ bằng quạt hút.

++ Quy trình xử lý khí thải (mùi):

Khí thải → Đường ống thu khí → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí thải → Môi trường

++ Tiêu chuẩn xả thải: QCVN 19:2024/BTMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ CTRSH, CTRTT, CTNH theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Đối với chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại và bố trí bãi chứa tạm thời gần khu vực thi công, với diện tích 100m² và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí kho lưu giữ, với diện tích 10m² để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bùn thải từ HTXLNT, hố bơm, bể tách dầu mỡ: chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với dầu ăn đã qua sử dụng: Dầu này sẽ được thu gom trong ngày, lưu chứa tại 05 thùng nhựa (20-25 lít /thùng) có nắp đậy đảm bảo theo quy định. Các thùng này được lưu giữ tại phòng chứa chất thải rắn thông thường và được thu gom trong ngày cùng chất thải rắn thông thường.

+ Tại mỗi tầng, tại các khu vực công cộng, Chủ dự án sẽ bố trí các thùng rác phân loại (25 lít/thùng) để thu gom, phân loại CTR thông thường.

+ Bố trí 02 kho chứa chất thải rắn thông thường tại tầng 1 của Trung tâm thương mại. Kho chứa chất thải rắn thông thường 1 (phía Tây): có diện tích 50,84 m², bố trí 12 thùng HPDE (240 lít/thùng). Kho chứa chất thải rắn thông thường 2 (phía Đông): có diện tích 58,425 m², bố trí 12 thùng HPDE (240 lít/thùng). Kết cấu kho: Nằm trong nhà có hệ kết cấu khung bê tông cốt thép, xung quanh bao bởi tường xây gạch.

+ Chủ dự án cam kết có hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và quản lý chất thải rắn theo đúng quy định.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí kho chứa CTNH, với diện tích 10m² có biển cảnh báo.

+ Bố trí 5 thùng phi có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng, Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại.

+ Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ CTNH trong thùng chứa; không thải CTNH ra môi trường xung quanh.

+ Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại CTNH phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Thu gom và phân loại rác vào các thùng chứa chất thải có nắp đậy trong khu vực dự án.

+ Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 14m², tại tầng 1 của Trung tâm thương mại, có rãnh thu gom tránh chất thải rò rỉ, có bờ bao chống tràn, có dán nhãn và mã đối với từng loại CTNH, có biển hiệu cảnh báo, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ. Bố trí 6 thùng chứa CTNH (240 lít/thùng) trong kho lưu chứa CTNH.

+ Thu gom, tập kết toàn bộ CTNH về kho lưu chứa CTNH của dự án;

+ Chủ dự án cam kết có hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn: giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi, bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số.

- + Thực hiện quy trình, quy phạm thi công: Việc thực hiện nghiêm túc các quy phạm thi công vào những thời điểm nhất định sẽ làm giảm đáng kể tiếng ồn trong thi công, cụ thể là chỉ vận hành các thiết bị được bảo dưỡng tốt; Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công.

- + Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- + Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- + Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- + Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- + Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- + Ngoài ra, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn trong quá trình xây dựng đến hoạt động của khu vực xung quanh, không được vận hành vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 06h- 11h30 và 13h-18h.

- + Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- Giai đoạn vận hành:

- + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ các động cơ của phương tiện vận tải để phát hiện hỏng hóc và có phương án sửa chữa kịp thời. Tần suất 3 tháng/lần.

- + Quy định tốc độ đối với các phương tiện giao thông ra vào dự án, tốc độ từ 5-10 km/h và tuân theo sự điều phối của bảo vệ.

- + Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên dự án.

- + Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ

rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

4.4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): Không có.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có.

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công xây dựng.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Bố trí nhân sự có đủ trình độ chuyên môn để vận hành hệ thống, đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định. Vận hành đúng thao tác, kỹ thuật để hệ thống ổn định, hạn chế xảy ra sự cố. Kiểm tra hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố. Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Khi xảy ra sự cố về hỏng hóc hệ thống xử lý nước thải phải dừng ngay các hoạt động xả nước thải và có biện pháp khắc phục kịp thời, sau khi hệ thống vận hành ổn định trở lại mới tiếp tục xả nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hỏng thời gian dài, quá thời gian lưu chứa của các bể: tiến hành thuê các bồn chứa công nghiệp có dung tích lớn (số lượng và thể tích bồn sử dụng phụ thuộc vào lượng nước thải hàng ngày phát sinh vượt quá khả năng lưu chứa của các bể) để bơm nước thải từ bể xử lý sang lưu chứa tạm thời trong thời gian khắc phục sự cố, sau khi khắc phục sự cố của toàn bộ hệ thống xong tiến hành bơm nước thải trở lại hệ thống xử lý để tiến hành xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra mạng tiêu phía Đông của Dự án. Các bồn chứa được trả lại đơn vị cung cấp.

4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có.

4.4.6. Các công trình, biện pháp khác:

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (mùi) để có biện pháp khắc phục kịp thời. Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi) thực hiện vận hành. Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng. Vận hành và

bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

+ Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, chủ dự án sẽ yêu cầu ngưng hoạt động tại khu vực phát sinh khí thải để tiến hành kiểm tra khắc phục, trong trường hợp không khắc phục được trong khoảng thời gian 30-45 phút, cán bộ vận hành hệ thống sẽ tiến hành thay thế thiết bị để đảm bảo khả năng xử lý khí thải của hệ thống.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của sự cố cháy nổ:

+ Xây dựng, lắp đặt các công trình PCCC bên trong và bên ngoài tòa nhà theo thiết kế cơ sở và thiết kế PCCC được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm duyệt, đảm bảo các loại vật liệu xây dựng đủ tiêu chuẩn về cách điện, cách nhiệt và bậc chịu lửa của các công trình. Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống báo cháy và PCCC theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và tập huấn giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, nhân viên. Xây dựng nội quy PCCC nơi làm việc và yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện. Định kỳ diễn tập ứng phó với sự cố cháy nổ theo quy định của pháp luật.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố hỏng thang máy

+ Chọn sản phẩm thang máy có thương hiệu uy tín về chất lượng, an toàn. Huấn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho quản lý giám sát và nhân viên tòa nhà liên quan đến quy trình và khả năng phát hiện, ứng biến với tình huống khẩn cấp, biện pháp cứu hộ.

+ Chủ động đăng ký gói bảo trì chính hãng và thường xuyên theo dõi kiểm tra đối chiếu chất lượng thang sau mỗi đợt bảo trì.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố về hệ thống lưu chứa và dẫn gas:

+ Sử dụng bồn lưu chứa gas đảm bảo, chất lượng, an toàn. Lắp đặt các thiết bị giám sát hệ thống lưu chứa gas, thiết bị báo cháy, phát hiện rò rỉ tại khu vực lưu chứa gas.

+ Xử lý khi phát hiện mùi gas: Đóng van cấp gas. Không bật tắt các thiết bị điện, các nguồn lửa như bếp gas, bật lửa... Cảnh giới và thông báo cho nhiều người biết để ngăn ngừa hơi gas tiếp xúc với nguồn lửa, tia lửa điện. Mở cửa thông thoáng tự nhiên khu vực rò gas để hơi gas phân tán, nhưng không dùng quạt điện. Gọi điện báo ngay cho cơ sở cung cấp gas hoặc nhân viên trực hệ thống cung cấp gas để có biện pháp xử lý toàn diện, đảm bảo an toàn.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

+ Sử dụng nguyên liệu để chế biến thực phẩm bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.

+ Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại Mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường:

5.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong quá trình thực hiện dự án
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 06:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và CTNH.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

a. Giám sát nước thải

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 dự án thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc nước thải định kỳ.

- Giám sát định kỳ:
 - + Vị trí giám sát: nước thải đầu vào và nước thải ra của hệ thống XLNT
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Chỉ tiêu giám sát: BOD₅, tổng N, tổng P, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,... (được miễn các thông số đã được quan trắc tự động).
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, Bảng 2.
- Giám sát tự động liên tục:
 - + Vị trí giám sát: tại mương quan trắc sau hệ thống XLNT
 - + Thông số giám sát: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, TOC hoặc COD, Amoni.

- + Tần suất giám sát: tự động, liên tục 24/24 giờ.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, Bảng 2.

b. Giám sát khí thải

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 98, và phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ và không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục đối với bụi, khí thải.

c. Giám sát chất thải thông thường và CTNH.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn thông thường và CTNH theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

d. Giám sát tiếng ồn, độ rung

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực dọc hàng rào dự án.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 06:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường, như sau:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước thải, khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 243/TTr-SNNMT ngày 25/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.